

# VỀ SỰ HÌNH THÀNH, ẢNH HƯỞNG VÀ NGUYÊN NHÂN CĂN BẢN CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH MỸ: NHỮNG NỘI DUNG TRAO ĐỔI GIỮA HAI NHÀ KINH TẾ HỌC TRÌNH AN PHÚ VÀ DAVID KOTZ

*LTS. Từ đầu năm 2007 đến nay, nước Mỹ đã bùng phát cuộc khủng hoảng tín dụng trên thị trường thế chấp nhà đất, sự khủng hoảng của thị trường này đã nhanh chóng lan sang các khu vực tài chính khác, đồng thời mở rộng ra phạm vi toàn thế giới. Nhằm cung cấp cho bạn đọc tài liệu tham khảo về sự hình thành, ảnh hưởng và nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ, Tạp chí Triết học xin giới thiệu nội dung cuộc đối thoại giữa Giáo sư Trình Ân Phú, Hội trưởng Hội Kinh tế chính trị học thế giới, Ủy viên Hội đồng khoa học Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, Viện trưởng Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác và nhà kinh tế học nổi tiếng người Mỹ - Giáo sư David Kotz xung quanh vấn đề kinh tế chính trị nóng bỏng này.*

## 1. Về cuộc khủng hoảng tín dụng ở nước Mỹ trong những năm gần đây

**GS.Trình Ân Phú:** Gần đây, cuộc khủng hoảng tài chính và tín dụng ở Mỹ khiến không chỉ người Mỹ quan tâm, mà cả công chúng các nước, trong đó có Trung Quốc rất quan tâm và thực sự kinh ngạc. Tôi được biết, Hiệp hội thế chấp quốc dân của Chính phủ Mỹ, năm 1970, là tổ chức đầu tiên trên thế giới phát hành trái phiếu cho vay thế chấp, gói gọn một số nghĩa vụ nợ thế chấp tương tự nhau làm chứng chỉ sở hữu, rồi đem những chứng chỉ đó bán cho các nhà đầu tư; vì thế, thu nhập từ tiền lãi cũng như những rủi ro từ các khoản vay nợ sẽ được chuyển cho các nhà đầu tư.

Năm 2001, bộ phận bán trái phiếu tín dụng nhà đất của ba công ty chủ chốt tương tự nhau thuộc Hiệp hội thế chấp quốc dân Mỹ đã chiếm tới gần một nửa trong số tất cả các khoản tín dụng vay nợ. Thị trường tín dụng thế chấp của Mỹ dựa

trên sự cao thấp của các cấp tín dụng mà chia thành các loại tín dụng tốt, tín dụng thứ cấp (tín dụng xấu) và một loại thứ ba nằm ở ranh giới giữa hai loại kia. Cái gọi là khủng hoảng tín dụng nhằm chỉ cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra do việc mua lại nhà đất với quy mô lớn của những tầng lớp thu nhập thấp mà năng lực bồi hoàn các khoản vay nợ rất kém, đồng thời các khoản tín dụng nhà ở này (tín dụng thứ cấp) lại được trái phiếu hoá.

**GS.D.Kotz:** Tình hình của nước Mỹ đúng là như vậy. Từ năm 2002 đến 2007, tình trạng đầu cơ trong thị trường nhà đất Mỹ tương đối nghiêm trọng, tốc độ tăng giá của nhà ở nhanh đến chóng mặt, thị trường nhà đất xuất hiện tình trạng bong bóng. Theo tính toán, đầu năm 2007, tổng giá trị nhà ở trên thị trường nhà đất của Mỹ khoảng 21.000 tỷ USD, trong đó có 8.100 tỷ USD là giá trị đầu cơ, thị phần bong bóng chiếm 38% tổng giá trị nhà đất.

Trong thời gian này, có hai biến động trên thị trường thế chấp ngầm chứa đựng hiểm họa khủng hoảng về sau. *Thứ nhất*, trước đây, ngân hàng cung cấp tín dụng cho những người mua nhà luôn tự mình nắm lấy thế chấp; trong khoảng 25 đến 30 năm liên tục, họ đã không ngừng thu tiền và lợi tức từ những người mua nhà ở. Hiện nay, các tổ chức cho vay này lại đem các thế chấp bán cho các ngân hàng đầu tư hoặc các tổ chức tiền tệ. Những ngân hàng đầu tư này lại gom tất cả những thế chấp khác nhau đó lại, biến thành một thứ “trái phiếu được đảm bảo bởi thế chấp” và bán ra trên thị trường. *Thứ hai*, năm 2004, các tổ chức tiền tệ lần đầu tiên tung ra cái gọi là vay nợ thế chấp thứ cấp. Người đi vay để mua nhà không cần phải giao nộp 20% hay một khoản trả nợ ban đầu cao hơn như trước, ngân hàng cũng không điều tra bất cứ thứ gì về hoàn cảnh và tình hình thu nhập của người vay.

**GS.Trình Ân Phú:** Từ đó có thể thấy, không nên cho rằng tất cả các công cụ, biện pháp “sáng tạo tiền tệ” đều có lợi hơn hại, chúng đều cần phải được lựa chọn và rút kinh nghiệm. Vốn dĩ các khoản vay thứ cấp có mức tín dụng thấp, thêm vào đó là quá trình không ngừng trái phiếu hoá dẫn đến lợi nhuận và rủi ro của việc chuyển nhượng nhiều thứ bậc, sẽ tất yếu hình thành “hiểm họa ngầm” mà Giáo sư D.Kotz đã nói. Khi tình hình kinh tế tốt, như người đi vay có thu nhập thấp nhưng ổn định, hoặc giá cả nhà ở không ngừng tăng cao, nguy cơ to lớn của tín dụng thứ cấp và trái phiếu hoá sẽ được che đậy và chìm xuống. Tuy nhiên, một khi tình trạng kinh tế đảo chiều, khủng hoảng tín dụng sẽ là điều khó tránh.

**GS.D.Kotz:** Lãi suất của các khoản vay thứ cấp ban đầu rất thấp, thế nhưng 2 năm sau, năm 2006, lãi suất đột ngột tăng

nhANH, một số người vay nợ thứ cấp bắt đầu không có khả năng trả các khoản nợ. Năm 2007, tỷ lệ những người không thể trả nợ thế chấp đúng hạn ngày càng cao. Đồng thời, tới quý II năm 2007, bong bóng giá cả nhà đất đã lên tới đỉnh điểm. Từ tháng 2 năm 2007 đến tháng 2 năm 2008, giá nhà đất ở San Francisco hạ xuống 17%, tại Los Angeles hạ xuống 19%, tại Phoenix hạ xuống 21%, tại Miami xuống 22%, tại Las Vegas xuống 23%.

Kết quả là, số nợ của 10,3% những người có nhà ở vay nợ còn cao hơn giá trị nhà ở của họ. Các nhà đầu tư đột nhiên phát hiện ra sự rủi ro rất lớn của những trái phiếu mà họ đang có, càng không may là, về cơ bản, họ không biết sự rủi ro mà mình phải gánh chịu cao đến chừng nào. Các nhà đầu tư nhận thấy rằng, những trái phiếu mà họ đang giữ có thể liên quan tới vài trăm người vay nợ thế chấp, thế nhưng họ lại không biết chút gì về tình trạng của mấy trăm người đó. Những tổ chức tiền tệ này không thể không hạ giá những trái phiếu đó xuống, thậm chí có nơi gần đến mức phá sản.

**GS.Trình Ân Phú:** Cuối những năm 80 của thế kỷ XX, “nền kinh tế bong bóng” của Nhật Bản cùng sự suy thoái của nó cũng có điểm giống với tình trạng trên. Doãn Đăng Thành, Viện sĩ Đại học Tokyo, cố vấn học thuật Hội Kinh tế chính trị học thế giới chỉ rõ, những giao dịch đầu cơ khi đó ở Nhật Bản đã đẩy giá nhà đất cao lên, thúc đẩy các gia đình lao động đi vay, kết quả là gây nên những thiệt hại to lớn. Kiểu tiếp thị mang tính tấn công này của việc cho vay nhà đất chỉ có thể trở thành thủ đoạn bóc lột mới được phát minh với quy mô hiện đại hoá lớn cho các tổ chức tiền tệ, như ngân hàng, v.v..

Ngôi nhà khó khăn lắm mới có được thì bị xiết nợ, bản thân thì bị ngân hàng đuổi ra

khỏi cửa. Đứng trên lập trường của đa số người đó, không có gì lạ khi tín dụng thứ cấp được gọi là lối cho vay cướp giật. Phân tích này của Doãn Đăng Thành được các nhà kinh tế học mácxít trên thế giới ủng hộ.

**GS.D.Kotz:** Trong cuộc khủng hoảng này của Mỹ, đối tượng “giơ đầu chịu báng” chính là các ngân hàng đầu tư quy mô lớn nắm giữ một số lớn các trái phiếu loại này, vì thế mà Cục dự trữ Liên bang Mỹ phải ra tay cứu viện. Xét từ góc độ pháp lý, Cục dự trữ Liên bang chỉ được phép viện trợ cho một loại tổ chức tiền tệ là ngân hàng thương nghiệp. Nhưng tháng 3 năm 2008, Cục dự trữ Liên bang Mỹ đã vượt khỏi quy định để xuất ra 30 tỷ USD cứu viện cho một ngân hàng đầu tư chưa bao giờ thuộc quyền giám sát của nó - Bear Stearns. Bởi vì Cục dự trữ lo rằng, nếu không cứu trợ, thì việc Bear Stearns phá sản sẽ có thể dẫn tới sự sụp đổ của toàn bộ hệ thống tín dụng Mỹ cũng như tín dụng toàn cầu.

**GS.Trình Ân Phú:** Bởi vậy, dấu cho các nước đang phát triển nỗ lực rao giảng về một nước Mỹ với lý luận và chính sách kinh tế theo chủ nghĩa tự do mới, với mục đích bảo vệ nhu cầu của lợi ích toàn cục trong các nước tư bản chủ nghĩa và các nhà đại tư bản, thì thể nào cũng có lúc lựa chọn các biện pháp vượt ra ngoài sự cho phép của luật pháp, trong lịch sử chuyện này là bình thường. Điều đó cho thấy, khi Trung Quốc lựa chọn biện pháp nào đó để khống chế những thị trường như địa ốc, ở trong và ngoài nước, sự xuất hiện những dư luận chỉ trích là đi ngược với nguyên tắc kinh tế thị trường đương nhiên cũng khó đứng vững. Các biện pháp pháp luật, kinh tế, hành chính v.v. mà nhà nước dùng để điều tiết cần phải được vận dụng linh hoạt. Điều

quan trọng là khi xử lý một vấn đề nào đó, cần chọn biện pháp nào ít tổn kém nhưng lại có hiệu quả tốt. Giáo sư Stiglitz, Chủ tịch Hội uỷ viên cố vấn kinh tế cho Tổng thống của Chính phủ Clinton từng phát biểu một nội dung tương tự như vậy tại Trung Quốc.

**GS.D.Kotz:** Tôi cũng tán thành quan điểm của ông. Cuộc khủng hoảng này của Mỹ vẫn còn tiếp tục. Số nợ xấu của các tổ chức tiền tệ lớn ở Mỹ, rất cuộc, là bao nhiêu tới bây giờ vẫn không ai biết rõ. Mà các tổ chức tiền tệ nắm giữ lượng lớn nợ xấu không chỉ có ở Mỹ mà có ở khắp thế giới. Những tính toán cuối cùng về thiệt hại của cuộc khủng hoảng tiền tệ này, có người nói có thể là mấy trăm tỷ USD, có người lại cho rằng có thể đạt tới cả ngàn tỷ USD.

**GS.Trình Ân Phú:** Mấy ngày trước đây, ngày 30 tháng 8, Tổng thống Mỹ Bush phát biểu trên truyền hình rằng, tình hình kinh tế Mỹ gần đây đang có chuyển biến tốt, như lượng tiêu thụ nhà ở tại một số nơi tăng trở lại, số đơn đặt hàng các mặt hàng đắt tiền trong tháng 7 tăng nhanh, nền kinh tế trong quý II theo tỷ lệ hàng năm tăng 3,3%, phương án thúc đẩy nền kinh tế của chính phủ trị giá 168 tỷ USD đang dần đạt được hiệu quả như ước tính, thông qua số tiền hoàn thuế cho người tiêu dùng và doanh nghiệp đã kích thích việc tiêu dùng và doanh nghiệp đầu tư. Đồng thời, Bush cũng nói rằng, sự lo lắng của dân chúng Mỹ đối với viễn cảnh dầu lửa, giá cả thực phẩm cho đến nhà ở và công ăn việc làm là có thể hiểu được. Ngoài ra, có một số chứng cứ cho thấy, thu nhập cá nhân của người dân Mỹ giảm sút, chỉ số tiêu dùng không tăng. Rất nhiều nhà phân tích Mỹ cho rằng, điều này cho thấy viễn cảnh kinh tế

Mỹ vẫn không dễ lạc quan. Vị Tổng thống đang tại vị chỉ nói ở mặt tích cực, nhưng viễn cảnh còn rất nhiều tính khả năng, không dễ đo lường dự đoán.

## 2. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tín dụng Mỹ và đối sách của Trung Quốc

**GS.D.Kotz:** Theo tôi, cuộc khủng hoảng tiền tệ của nước Mỹ lần này có nhiều khả năng trở nên cực kỳ nghiêm trọng. Điều đặc biệt đáng chú ý là, cuộc khủng hoảng tiền tệ có ảnh hưởng rất lớn đến thực thể kinh tế(1) đồng thời có thể sẽ đem lại sự khủng hoảng đối với thực thể kinh tế. Nói cụ thể hơn, cuộc khủng hoảng tiền tệ lần này gây ảnh hưởng đối với thực thể kinh tế thông qua 4 con đường dưới đây:

*Thứ nhất*, cuộc khủng hoảng thế chấp có thể gây ra sự sụt giảm nghiêm trọng của đầu tư nhà đất. Ở Mỹ, đầu tư nhà đất chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng số đầu tư xã hội. Đầu năm 2006, đầu tư địa ốc ở Mỹ bắt đầu giảm xuống. Theo tính toán tỷ lệ hàng năm, từ quý IV năm 2007 tới 9 - 2008, đầu tư tại Mỹ vào các công trình kiến trúc nhà ở giảm xuống 25%.

*Thứ hai*, giá nhà ở không ngừng đi xuống đã dẫn đến việc người tiêu dùng tiết giảm chi tiêu. Từ năm 2002, do giá nhà đất tăng lên, rất nhiều gia đình đem nhà ở làm vật thế chấp để vay tiền chi trả cho các chi tiêu sinh hoạt gia đình. Năm 2007, những người có nhà ở đó đột nhiên được biết rằng họ không thể đem nhà ở ra làm vật thế chấp vay tiền ngân hàng nữa, điều này khiến chi tiêu của họ giảm xuống 10%. Nếu như toàn bộ số bong bóng đầu cơ 8.000 tỷ USD vào thị trường địa ốc biến mất, thì sẽ dẫn đến số chi tiêu của người dân Mỹ hàng năm hạ xuống 320 - 480 tỷ USD. Nhưng sự tiêu dùng trong xã hội Mỹ là vô cùng quan

trọng, nó chiếm tới 70% GDP của Mỹ. Do sự giảm sút của chi tiêu và đầu tư nhà đất, cuộc khủng hoảng nhà ở này có thể khiến cho GDP giảm từ 3,1% - 7,0%.

*Thứ ba*, cuộc khủng hoảng tín dụng dẫn đến thị trường cổ phiếu không sáng sủa và đến lượt nó, điều này cũng gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với tiêu dùng.

*Thứ tư*, khủng hoảng tiền tệ dẫn đến quyết sách của các doanh nghiệp đối với mức tiêu thụ trong tương lai rất đáng lo ngại nên cắt giảm đầu tư. Quý I năm 2008, mức đầu tư cố định vào máy móc, thiết bị và nhà xưởng giảm xuống 2,5%.

Đương nhiên, do đồng USD không ngừng xuống giá, xuất khẩu của Mỹ đang tăng không ngừng, nhưng điều này không đủ để ngăn cản kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái. Cho nên, có thể đưa ra một kết luận sơ bộ là, khủng hoảng thị trường tiền tệ đang gây ra bước thụt lùi cho thực thể kinh tế Mỹ.

**GS.Trình Ân Phú:** Cuộc khủng hoảng tiền tệ xảy ra do khủng hoảng tín dụng Mỹ có ảnh hưởng không nhỏ đối với các nước. Nước Mỹ chiếm tới 34% khối lượng tiền trên thế giới, chiếm 25% lượng "tổng giá trị sản phẩm quốc nội" thế giới, 11% kim ngạch thương mại thế giới, vì thế mà việc kinh tế Mỹ sút kém và khủng hoảng tiền tệ chắc chắn sẽ gây ra những ảnh hưởng xấu đối với các thực thể kinh tế chủ yếu trên thế giới và nền kinh tế toàn cầu. Chính sách giảm lãi suất và hạ giá đồng USD của Mỹ sẽ khiến cho giá dầu thô và lương thực tăng cao, đồng thời tăng thêm áp lực lạm phát lên các nước khác, khiến các nước thu

(1) Thực thể kinh tế là toàn bộ các bộ phận liên quan đến kinh tế trừ thị trường nhà đất và tiền tệ, bao gồm sản xuất, xuất nhập khẩu, giao dịch thường xuyên, thị trường bán lẻ v.v. - ND.

hẹp việc dự trữ đồng USD lại v.v, cũng như làm cho thị trường cổ phiếu thế giới tuột dốc, giao dịch quốc tế và tăng trưởng quốc tế chậm chạp v.v.. Chẳng hạn, trong năm 2008, kinh tế Pháp trong quý I chỉ tăng trưởng 0,4%, trong quý II đã xuất hiện tăng trưởng âm; quý II, kinh tế các nước sử dụng đồng EURO như Đức, Ý, Ailen đều giảm sút ở các mức khác nhau. Trong tháng 7, mức lạm phát tại các nước sử dụng đồng EURO ở mức cao trong lịch sử là 4%; tháng 8, giá nhà ở Anh giảm 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Ngày 2 tháng 9, Anh đưa ra kế hoạch 1,8 tỷ USD để chấn hưng thị trường nhà đất, hy vọng nhờ đó có thể xoay chuyển được sự tuột dốc thê thảm nhất trong 18 năm qua. Theo phán đoán trong báo cáo mới nhất của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế, nửa cuối năm 2008, nước Anh sẽ xuất hiện tăng trưởng âm, suy thoái kinh tế chỉ là vấn đề thời gian.

**GS.D.Kotz:** Đúng vậy, nếu kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái nghiêm trọng, rất có thể sẽ kéo toàn bộ nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái. Có thể nói, kinh tế thế giới hiện đang đối mặt với việc đi vào rủi ro của cảnh tiêu điều trên phạm vi toàn cầu.

**GS.Trình Ân Phú:** Theo Giáo sư Kotz, khủng hoảng tiền tệ lần này có thể lan đến Trung Quốc không?

**GS.D.Kotz:** Điều này có thể lan sang Trung Quốc. Trong giai đoạn đầu của cải cách mở cửa, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chủ yếu dựa vào thị trường trong nước. Những năm 80 của thế kỷ trước, xuất khẩu Trung Quốc luôn thấp hơn GDP 10%, nhưng từ sau thập niên 90 trở đi, tỷ trọng xuất khẩu của Trung Quốc so với GDP tăng mạnh. Những năm gần đây, con số này tăng lên càng nhanh, khoảng 38%. Do

vậy, nếu như kinh tế Mỹ và châu Âu rơi vào suy thoái, sẽ gây ra ảnh hưởng rất lớn đối với kinh tế Trung Quốc, khiến cho phương thức tăng trưởng trước mắt của Trung Quốc không còn hoặc không thể tiếp tục duy trì. Điều này đòi hỏi Trung Quốc phải thay đổi phương thức tăng trưởng, mà sự thay đổi đó bắt buộc phải dựa nhiều hơn hoặc dựa chủ yếu vào thị trường trong nước.

Cho tới đầu thế kỷ này, thị trường tiền tệ Trung Quốc đều tuyệt giao với thị trường tiền tệ thế giới. Cuộc khủng hoảng tiền tệ Đông Nam Á năm 1997, về cơ bản, hầu như không gây ảnh hưởng nhiều đến Trung Quốc. Khi đó, Chính phủ Trung Quốc đã lựa chọn rất nhiều biện pháp ngăn chặn những kiểu đầu tư và vay nợ ngắn hạn tham gia vào thị trường Trung Quốc. Thế nhưng, tình hình trong những năm gần đây đã thay đổi rất nhiều. Một lượng lớn tư bản đầu tư lưu động chảy vào Trung Quốc bằng nhiều con đường, trong đó một phần đáng kể tham gia vào thị trường địa ốc. Do đó, chỉ cần một cuộc khủng hoảng tiền tệ có tính chất toàn cầu, sẽ rất có thể tạo nên sức tấn công lớn tới toàn bộ hệ thống tiền tệ Trung Quốc.

**GS.Trình Ân Phú:** Tôi cũng có chung cảm nhận đó. Năm nay, lạm phát của Trung Quốc tăng cao, lượng tiền nóng (tiền đầu cơ ngắn hạn - ND.) quốc tế đổ vào nhiều, sự biến động của giá cổ phiếu và giá nhà ở đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến cuộc khủng hoảng tín dụng Mỹ. Trung Quốc cần có hai tầng tư duy đối sách: đối sách ở tầng kiểm soát thị trường nhà đất, đối sách ở tầng kiểm soát sự biến đổi phương thức phát triển kinh tế đối ngoại. Với đối sách cơ bản ở tầng thứ đầu tiên, *một là*, hệ thống tiền tệ không nên

buông lỏng sự tính toán và giám sát đối với những rủi ro tất yếu vì mải cạnh tranh những khoản tín dụng nhà đất, cần phải quy định chặt chẽ đối với thị trường vay nợ thế chấp, giải quyết “hiện tượng gián đoạn” trả nợ của một số người mua nhà đất; *hai là*, nhà nước cần thuận theo hệ thống quản lý thị trường nhà đất, khống chế hiệu quả hệ thống dự báo rủi ro đối với thị trường nhà đất và các tổ chức tiền tệ bao gồm cả đầu tư nước ngoài; *ba là*, chính sách cần phải thể hiện thị trường nhà đất thuộc về thị trường dân sinh lấy tiêu dùng là chính, chứ không phải thị trường đầu cơ để kiếm chác, đồng thời có nhiều cách để đầu tư và tiêu thụ hợp lý nhà đất, ngăn ngừa sự trượt sụt lớn của giá cả nhà ở.

**GS.D.Kotz:** Điều mà giáo sư Trình nói về “đối sách ở tầng thứ kiểm soát những biến đổi của phương thức phát triển kinh tế kinh tế đối ngoại” có nội dung gì?

**GS.Trình Ân Phú:** Chúng ta buộc phải tuân thủ sự chỉ đạo của quan điểm phát triển khoa học, xây dựng mô hình mở cửa đối ngoại khôn khéo với đặc trưng chủ yếu là theo đuổi hiệu quả chất lượng mở cửa và hợp tác hai bên, cân đối tương quan giữa phát triển kinh tế trong nước và mở cửa với bên ngoài, thúc đẩy kinh tế quốc dân đồng thời phải phát triển vừa nhanh vừa tốt. Cụ thể là, cần phải đạt tới “năm thứ được nâng cao”: *một là*, giảm tỷ lệ giao dịch ngoại thương, tăng cường vai trò tiêu dùng nhằm thúc đẩy tăng trưởng. Theo con số tính toán của WTO và IMF, tỷ lệ giao dịch ngoại thương năm 2003 đạt gần 45%. Trong đó, tỷ lệ bình quân ở các nước phát triển là 38,4%, tỷ lệ bình quân ở các nước đang phát triển là 51%, con số này năm 2004 và 2006 là 68,44% và 65,51%, cao hơn

khá nhiều so với tỷ lệ trung bình của thế giới. Điều này cho thấy, tỷ lệ giao dịch ngoại thương không chỉ cao hơn rất nhiều so với các quốc gia phát triển, mà còn cao hơn tuyệt đại đa số các nước đang phát triển, thậm chí cao hơn tỷ lệ trung bình ở các nước đang phát triển từ 10% trở lên. Năm 2004, tỷ lệ tiêu dùng của Trung Quốc là 53,6%, năm 2007 bắt đầu có chuyển biến tốt nhưng vẫn chưa đủ. Vì thế, cần thúc đẩy mạnh sức tiêu dùng của những người có thu nhập thấp và trung bình ở các thành thị, đầu tư nhiều vào các lĩnh vực an sinh xã hội, như y tế, vệ sinh, giáo dục, cải thiện hiệu quả những ước tính tiêu dùng của dân chúng, nâng cao định hướng tiêu dùng, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định về thu nhập cho những người có thu nhập trung bình và thấp; đẩy mạnh tiêu dùng ở nông thôn, thiết thực nâng cao thu nhập của nông dân, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp và nông thôn; nỗ lực đẩy mạnh việc nâng cấp kết cấu tiêu dùng và trọng điểm tiêu dùng, phát triển mạnh các ngành và sản phẩm có liên quan tới các nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại của nhân dân, như nhà cửa, thông tin, giáo dục văn hóa, du lịch v.v..

**GS.D.Kotz:** Một nước mà tỷ lệ giao dịch ngoại thương quá cao thì rủi ro dây chuyền sẽ càng lớn.

**GS.Trình Ân Phú:** *Hai là*, khống chế các nguồn đầu tư nước ngoài với tỷ lệ thích đáng, tăng cường điều tiết lợi dụng hiệu quả sự đầu tư trong nước và quốc tế. Từ cải cách mở cửa đến nay, việc lợi dụng triệt để sự đầu tư bên ngoài chiếm một vai trò không thể thay thế đối với sự tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội của Trung Quốc. Tuy nhiên, cũng vì vậy mà Trung Quốc

phải bỏ ra một nguồn vốn lớn, như vốn đất đai. Dù Nhà nước nghiêm cấm việc dùng thủ đoạn ép giá đất xuống thấp để kêu gọi đầu tư, nhưng để đạt mục đích nhận được đầu tư, chính quyền tại một số địa phương vẫn không cảm thấy tiếc rẻ khi chuyển nhượng đất cho công nghiệp sử dụng với giá lỗ vốn, thậm chí không cả bồi thường nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, đến cái mức mà “bạc thêm hạ mỗi ngày một thấp, vốn mỗi ngày một giảm, không gian mỗi lúc một nhường”. Chưa kể tới vốn thu thuế, vốn môi trường v.v.. Từ năm 1995, các tổ chức tiến tộ ở Trung Quốc lần đầu tiên xuất hiện tình trạng tồn đọng tiền, những năm gần đây con số vốn tồn đọng đã phá ngưỡng 10.000 tỷ USD. Điều này phản ánh sức tăng dự trữ quá nhanh, tăng trưởng tín dụng không theo kịp, việc phân bổ nguồn tiền và hiệu quả sử dụng thấp. Có thể nhận thấy, trước mắt Trung Quốc không thiếu vốn xây dựng; ngược lại, nguồn vốn trong nước lại quá dư thừa. Trong tình hình mới đó, nếu vẫn tiếp tục tiếp nhận đầu tư bên ngoài như đói khát, sẽ nảy sinh tình hình “hiệu ứng gạt bỏ”, gây ảnh hưởng tới sự phân bổ hữu hiệu và sử dụng hiệu quả nguồn tiền đầu tư trong nước. Do vậy, khống chế một cách thích hợp nguồn đầu tư nước ngoài, nâng cao việc điều tiết hiệu quả nguồn đầu tư trong và ngoài nước là vấn đề trọng tâm trong việc nhận thức và thiết lập chính sách mới đồng bộ.

**GS.D.Kotz:** Ngài nói có lý, tôi tới Trung Quốc nhiều lần và cũng nhận ra vấn đề này.

**GS.Trình Ân Phú:** Ba là, giảm mức độ lệ thuộc vào kỹ thuật bên ngoài, nâng cao năng lực tự chủ. Tỷ lệ lệ thuộc kỹ thuật bên ngoài của Trung Quốc cao, tới 50%,

trong khi ở Mỹ, Nhật chỉ là 5%. Mười mấy năm gần đây, quy mô giao dịch thương mại đối ngoại của Trung Quốc mở rộng nhanh, nhưng sự tăng trưởng lợi ích kinh tế lại không sánh bằng. Điều này chủ yếu vì đa số sản phẩm xuất khẩu của Trung Quốc đều là sản phẩm sơ cấp, giá trị thấp, tuy số lượng nhiều nhưng lợi nhuận thấp. Trung Quốc bị coi là “công xưởng của thế giới”, nhưng một bộ phận tương đối các doanh nghiệp xuất khẩu không có kỹ thuật và năng lực cạnh tranh trọng tâm, như các ngành dệt may, giày dép, DVD v.v.. Thực tế chứng minh rằng, lợi ích thương mại có được từ mô hình “ba cao một thấp” (ô nhiễm cao, năng lượng tiêu hao cao, mức độ phụ thuộc cao, giá trị gia tăng thấp) chỉ là tạm thời, gián đoạn và phải trả giá đắt, cuối cùng rơi vào “cạm bẫy của ưu thế so sánh”. Do đó, chiến lược thương mại đối ngoại của Trung Quốc tuy phải coi trọng phát huy “ưu thế cạnh tranh”, nhưng không thể lấy ưu thế cạnh tranh làm mô hình chiến lược cơ bản. Cần giải phóng tư tưởng, phá bỏ sự trói buộc của mô hình phân công quốc tế truyền thống lấy lý luận ưu thế cạnh tranh làm nền tảng, biến “chiến lược ưu thế cạnh tranh” thành “ưu thế quyền sở hữu tài sản trí tuệ”. Cần ra sức phát triển các tập đoàn doanh nghiệp dân tộc với mô hình “tam khống (ba sự khống chế)”: khống chế cổ phiếu, khống chế kỹ thuật (đặc biệt là kỹ thuật trọng tâm và tiêu chuẩn kỹ thuật) và khống chế thương hiệu (đặc biệt là các thương hiệu nổi tiếng), bồi dưỡng và phát huy cao độ ưu thế quyền sở hữu trí tuệ, sớm thực sự tạo ra một nước Trung Quốc là xưởng sản xuất của thế giới chứ không phải xưởng gia công cho thế giới. Từ đó, nhanh chóng hoàn thành bước

chuyển từ một nước giao dịch thương mại lớn thành cường quốc thương mại, từ nước kinh tế lớn thành cường quốc về kinh tế.

**GS.D.Kotz:** Vấn đề năng lượng Trung Quốc là rất nổi bật, nhưng dư luận ở các nước phát triển phê bình Trung Quốc khi khai thác năng lượng theo kiểu “chủ nghĩa thực dân mới” ở khu vực châu Phi hoàn toàn là yêu quái hóa một Trung Quốc đang trong phát triển hòa bình. Những người tiến bộ không tán đồng với quan điểm này.

**GS.Trình Ân Phú:** Ngài nói rất đúng, đối sách *thứ tư* của Trung Quốc chính là giảm đáng kể sự phụ thuộc vào “tài nguyên nước ngoài”, tăng cường hiệu quả của việc bổ sung tài nguyên. Từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, “năng lượng bên ngoài” của Trung Quốc (chỉ một số nguồn năng lượng và tài nguyên nhập khẩu với tỷ lệ lớn như dầu mỏ, quặng sắt v.v.) tăng nhanh. Sự phụ thuộc quá lớn vào bên ngoài về tài nguyên gây ảnh hưởng trầm trọng đối với kinh tế Trung Quốc. Lý luận cho rằng sự phụ thuộc về nhập khẩu năng lượng của Trung Quốc không chứa đựng rủi ro nào không thể đứng vững. Biện pháp ngăn ngừa đầu tiên là nhanh chóng xây dựng hệ thống dự trữ dầu mỏ chiến lược, hình thành bức tường lửa cơ bản. Tiếp theo, cần kiên trì kích lệ và giúp đỡ việc tìm kiếm và tận dụng những nguồn năng lượng mới; đồng thời, cần có chính sách thưởng việc tiết kiệm, trừng phạt việc lãng phí năng lượng.

**GS.D.Kotz:** Trung Quốc để rất nhiều dự trữ ngoại hối ở Mỹ, như vậy có thích hợp không?

**GS.Trình Ân Phú:** Tôi cho rằng, vấn đề này cần phải điều chỉnh, mà trong đối sách *thứ năm* của Trung Quốc, chính là khống chế quy mô dự trữ ngoại hối ở mức hợp lý, tăng cường thu lợi từ việc sử dụng

ngoại hối. Tháng 4 năm 2006, quy mô dự trữ ngoại hối của Trung Quốc, lần đầu tiên, vượt qua Nhật Bản và trở thành nước đứng đầu thế giới về dự trữ ngoại hối. Tới cuối tháng 12 năm 2007, số dư ngoại hối cả nước là 1.530 tỷ USD, tăng 43,32% so với năm trước. Là một nước kinh tế đang phát triển, việc dự trữ một lượng ngoại hối đáng kể là điều vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, nếu thời gian dài và số lượng lớn vượt quá mức hợp lý thì tất sẽ làm nảy sinh những bất lợi đối với phát triển kinh tế. Đầu tiên, dự trữ ngoại hối quá cao làm tăng áp lực lên giá của đồng nhân dân tệ. Tiếp đó, kết cấu dự trữ ngoại hối không hợp lý sẽ dẫn tới một lượng lớn của cải quốc dân trôi mất. Quy mô dự trữ ngoại hối quá lớn, cuối cùng, sẽ khiến mặt trái tiêu cực của nó ảnh hưởng tới đời sống kinh tế trong nước: gây ra tính biến động lớn trong nước, sự bùng nổ của các hoạt động đầu tư phi lý tính, bẻ cong cơ chế giá cả, tăng mức độ khó khăn của điều tiết vĩ mô. Giải quyết vấn đề dự trữ ngoại hối quá mức, không chỉ cần khống chế quy mô phát triển thương mại gia công đem lại lợi nhuận ít, xét từ căn nguyên phải giảm thiểu tình trạng xuất siêu thương mại, giảm tốc độ dự trữ ngoại hối. Đồng thời, cũng cần phân bổ hợp lý nguồn tài nguyên ngoại hối đã có, giảm vốn cơ hội của dự trữ tư bản tiền tệ, tăng hiệu quả phân bổ của tư bản.

**3. Nguyên nhân khủng hoảng tiền tệ là chủ nghĩa tư bản kiểu chủ nghĩa tự do mới**

**GS.D.Kotz:** Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc khủng hoảng tiền tệ lần này chính là chủ nghĩa tư bản kiểu chủ nghĩa tự do mới. Từ năm 1945 - 1973, bất luận là ở Mỹ hay trên toàn thế giới, chủ nghĩa tư bản được kiểm soát luôn chiếm địa vị chi

phối. Đặc trưng của hình thức tư bản chủ nghĩa này là: 1) Chính phủ tiến hành sự quản chế nghiêm ngặt đối với hệ thống kinh tế và tiền tệ; 2) Để đảm bảo giữ tỷ lệ thất nghiệp thấp mà có sự chủ động khống chế đối với kinh tế vĩ mô; 3) Nhà nước chế định một lượng lớn chính sách phúc lợi xã hội; 4) Quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp quy mô lớn với công đoàn; 5) Giữa các doanh nghiệp lớn kìm giữ cạnh tranh; 6) Thương mại quốc tế và tư bản lưu động chịu sự khống chế của nhà nước và tổ chức quốc tế.

**GS.Trình Ân Phú:** Đúng vậy, 6 năm trước đây, hai chúng ta đã từng có cuộc đối thoại về chủ nghĩa tự do mới và vấn đề kinh tế toàn cầu hoá dưới sự chi phối của nó. Năm 2006, tại Thượng Hải, trong bản “Tuyên ngôn về toàn cầu hoá kinh tế và kinh tế học hiện đại chủ nghĩa Mác” được hơn 70 nhà kinh tế học chủ nghĩa Mác của thế giới ký cam kết, trong đó có hai chúng ta, đã làm rõ hơn cách nhìn về chủ đề chủ nghĩa tự do mới và kinh tế toàn cầu dưới sự chi phối của nó. Bây giờ, chủ nghĩa tự do mới đã sinh ra quả độc của nó là “khủng hoảng tín dụng”.

**GS.D.Kotz:** Những năm 80, thứ hình thức tư bản chủ nghĩa chiếm địa vị thống trị đó đã có thay đổi rất lớn, chủ nghĩa tư bản theo hình thức chủ nghĩa tự do mới đã thay thế hình thức tư bản chủ nghĩa do nhà nước quản chế vốn có. Đặc trưng của tư bản chủ nghĩa theo hình thức chủ nghĩa tự do mới là: 1) Thả lỏng sự quản lý đối với kinh tế và tiền tệ, cho phép sự tồn tại của thị trường tự do; 2) Chính phủ không còn tiến hành điều chỉnh tích cực đối với kinh tế vĩ mô, theo đuổi việc giảm tỷ lệ lạm phát chứ không phải giảm tỷ lệ thất nghiệp; 3)

Phúc lợi xã hội giảm sút nhanh chóng; 4) Các công ty lớn cùng nhà nước chống lại và làm suy yếu sức mạnh của công đoàn, cục diện thị trường lao động biến đổi, nhà tư bản hoàn toàn khống chế người lao động; 5) Cạnh tranh tự do, tàn khốc thay thế cạnh tranh có điều tiết; 6) Thương phẩm, dịch vụ và tư bản tự do lưu chuyển giữa các nước khác nhau.

**GS.Trình Ân Phú:** Hiệu ứng phụ của kinh tế toàn cầu hoá dưới sự chi phối của chủ nghĩa tự do mới có ba thứ “có thể tăng mạnh”: *Một là*, có thể làm gia tăng sự mất cân bằng của phát triển kinh tế thế giới. Do các nước tư bản phát triển chiếm một ưu thế rõ ràng trong phát triển kinh tế, nên trong tiến trình toàn cầu hoá kinh tế, các nước này sẽ thu lợi lớn hơn rất nhiều so với các nước đang phát triển. Điều này sẽ làm tăng thêm một bước sự giãn cách phát triển không đồng đều ở phạm vi toàn cầu giữa các quốc gia. Đặc biệt, chỉ số thu nhập bình quân đầu người và quyền sở hữu tài sản trí tuệ, v.v. ở các nước phát triển và các nước đang phát triển cũng khác nhau nhiều. Sự phát triển mất cân bằng này được thể hiện cụ thể trên các mặt thương mại đối ngoại, lực lượng khoa học - kỹ thuật, v.v..

*Hai là*, có thể làm tăng sự biến động của phát triển kinh tế thế giới. Ví dụ, năm 1994, ở Mexico đã phát sinh khủng hoảng tiền tệ; tháng 2 năm 1995, Ngân hàng Pari đóng cửa; năm 1997 là cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đông Nam Á; tiếp đó là cuộc khủng hoảng tiền tệ và kinh tế ở Argentina, rồi đến sự sụp đổ đại quy mô của nền kinh tế các nước Đông Âu và Liên Xô vốn liên quan mật thiết với tiền tệ quốc tế; kinh tế Nhật Bản trì trệ trong hơn 10 năm; nước Mỹ thuộc về kinh tế mới cũng

phát sinh suy thoái và cuộc khủng hoảng tín dụng vừa qua, v.v., đều gây ra những thiệt hại lớn đối với sự phát triển kinh tế thế giới. Điều này cho thấy một thực tế là, tình trạng vô trật tự của các thị trường tiền tệ thế giới trong quá trình phát triển sẽ đem lại ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế thế giới.

Ba là, khả năng tăng thêm tính mâu thuẫn trong phát triển kinh tế thế giới. Mâu thuẫn chồng chất trong chủ nghĩa tư bản khiến nền kinh tế toàn cầu chứa đầy các loại rủi ro do mất cân bằng, không điều hoà, không ổn định. Cuộc chiến thương mại, cuộc chiến tiền tệ không ngừng giữa các nước phát triển với nhau và giữa các nước phát triển với các nước kém phát triển lan toả ra toàn thế giới. Các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đặc biệt là Mỹ, dựa vào thực lực kinh tế và địa vị ưu thế của mình trong thế giới, càng ngày càng dần sâu vào việc can dự, chế tài, uy hiếp các nước khác, thậm chí còn phát động xâm lược quân sự. Điều này đương nhiên sẽ dẫn tới sự phản kháng từ các nước khác, từ đó làm tăng thêm mâu thuẫn, va chạm và đấu tranh trên phạm vi thế giới; đồng thời, gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho sự phát triển kinh tế thế giới.

**GS.D.Kotz:** Các nhà lý luận của chủ nghĩa tự do mới tuyên bố rằng, nếu không có sự khống chế của nhà nước, thị trường tiền tệ sẽ càng có hiệu quả, mọi người có thể đem nguồn đầu tư có hạn để đầu tư vào lĩnh vực có lời nhiều nhất. Tuy nhiên, họ bỏ qua một sự thực quan trọng là, một khi thị trường đã mất kiểm soát thì rất dễ sinh ra rủi ro, mà dưới điều kiện của chủ nghĩa tự do mới thì khủng hoảng tiền tệ lại càng trở nên nghiêm trọng.

Điểm này đã được lịch sử chứng minh vào thế kỷ XIX, nước Mỹ tiến hành nền kinh tế tự do cạnh tranh, khi đó cứ 10 năm một lần, New York lại xảy ra một cuộc khủng hoảng tiền tệ cực kỳ nghiêm trọng. Đến năm 1929, kinh tế thị trường tự do dẫn tới sự sụp đổ của thể chế tài chính Mỹ. Sau đó, từ năm 1945 – 1973, Mỹ tiến hành chủ nghĩa tư bản có kiểm soát, và trong thời gian này, không xảy ra một cuộc khủng hoảng tiền tệ lớn nào, cũng không có một tổ chức tiền tệ nào bị phá sản. Nhưng từ năm 1980 trở lại đây, cùng với sự trở dậy của chủ nghĩa tự do mới, nền kinh tế Mỹ xuất hiện một loạt hiện tượng đầu cơ và kéo theo đó là sự nảy sinh vấn đề tiền tệ tương ứng. Vào thập niên 80 của thế kỷ trước, nước Mỹ đã xuất hiện cuộc khủng hoảng tương đối lớn, một tổ chức tiền tệ đặc biệt - Ngân hàng tiết kiệm phá sản, Ngân hàng Trung ương không thể không xuất hàng trăm tỷ USD để cứu viện ngân hàng này. Sang thập niên 90, thị trường cổ phiếu Mỹ xuất hiện một đợt bong bóng lớn về tiền tệ trên phạm vi toàn thế giới, đợt bong bóng này sau khi bị phá vỡ năm 2000 cũng gây ra tổn thất vài trăm tỷ USD. Bước sang thế kỷ XXI tới nay, thị trường nhà đất Mỹ lại xuất hiện một đợt bong bóng lớn và chiếc bong bóng này cũng đang tan dần.

**GS.Trình Ân Phú:** Không nên lấy làm lạ với hiện tượng này của chủ nghĩa tư bản. Thực ra, như Samuel Brittan nhận định trên “Thời báo tài chính” Anh, trong 300 năm qua, chủ nghĩa tư bản thế giới luôn ở trong trạng thái đắp đổi giữa thịnh vượng và tiêu điều; V.I.Lênin cũng sớm chỉ ra rằng, các nước tư bản chủ nghĩa có lúc phát triển chiếm ưu thế, có lúc lại đình đốn tri

trẻ. Vậy thì, theo ông, tại sao chủ nghĩa tư bản theo chủ nghĩa tự do mới lại càng dễ dẫn tới khủng hoảng tài chính?

**GS.D.Kotz:** Mối quan hệ của hai thứ thể hiện trên hai phương diện. *Thứ nhất*, trừ bỏ sự khống chế đối với tiền tệ. Trừ bỏ khống chế là một đặc trưng quan trọng của chủ nghĩa tư bản theo chủ nghĩa tự do kiểu mới. Thị trường tiền tệ không có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước sẽ cực kỳ bất ổn. Từ năm 1945 đến 1973, trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản bị nhà nước quản lý, Ngân hàng Trung ương và Chính phủ Mỹ buộc tư bản tiền tệ phải dốc tiền ra cho doanh nghiệp bộ phận của thực thể kinh tế vay. Trong tình hình đó, tổ chức tiền tệ không thể theo ý muốn của mình theo đuổi lợi nhuận lớn nhất mà ngược lại, chúng bị phân thành các loại hình không giống nhau, chỉ có thể tham gia vào nghiệp vụ của những loại hình bị chỉ định.

Từ năm 1980 - 1982, Quốc hội Mỹ thông qua hai điều luật quan trọng, bãi bỏ sự khống chế đối với các tổ chức tiền tệ. Như vậy, ngân hàng Mỹ và các tổ chức tiền tệ khác có thể tự do chạy theo lợi nhuận lớn nhất. Bởi thế mà ngày càng nhiều tổ chức tiền tệ bị hút vào các ngành có tính chất đầu tư. Do có thể đem lại nhiều lợi ích cho các tổ chức tiền tệ, nên những thứ vay nợ thứ cấp và các trái phiếu được đảm bảo bởi nợ thế chấp, cho đến rất nhiều "sáng tạo mới" khác không ngừng tăng lên. Ví dụ, Quỹ bảo hiểm có lợi nhuận mỗi năm lên tới 25%, mà để có được mức lợi nhuận cao như vậy, chỉ có một con đường - đem một lượng tiền lớn ra cho vay, kéo theo nghĩa vụ vay nợ cao lên.

*Thứ hai*, sự phân hoá giàu nghèo ngày càng nghiêm trọng. Chủ nghĩa tự do mới

khiến cho sự phân hoá giàu nghèo ngày càng nghiêm trọng, tuyệt đại bộ phận tăng trưởng GDP đều rơi vào túi của thiểu số giai tầng giàu có. Nước Mỹ có 1% số người giàu nhất, sở hữu lượng của cải ở mức cao nhất từ năm 1928 đến nay. Con số 1% những người giàu có nhất đó chỉ là 300.000 người, thu nhập của họ bằng thu nhập của toàn bộ số người nghèo nhất chiếm 50% dân số Mỹ (khoảng 150 triệu người). Từ năm 1980 đến năm 2005, thu nhập của 1% dân số giàu có nhất chiếm một lượng nghiêng lệch so với tổng thu nhập. Sở dĩ như vậy là vì trong điều kiện của chủ nghĩa tự do mới, công nhân và công đoàn trong cuộc chơi với tư bản chỉ chiếm địa vị yếu thế, xã hội thiếu chính sách và kế hoạch viện trợ tương ứng đối với công nhân, khiến cho thu nhập của công nhân không tăng mà còn giảm xuống, trong khi lợi nhuận lại không ngừng tăng lên.

Sự phân hoá giàu nghèo đặt ra vấn đề ai là người mua những thứ tài sản đang không ngừng gia tăng kia? Kết quả là từ khi tiến vào thế kỷ XXI đến nay, mức thu nhập của các gia đình làm công ăn lương hoặc là không tăng hoặc là giảm xuống, họ không thể không đem nhà ở ra làm vật thế chấp để vay tiền nhằm đảm bảo mức sống như trước đây. Tới năm 2006, những thứ nợ này đã trở nên quá cao mà không thể tiếp tục duy trì, các gia đình làm công ăn lương nhận thấy rằng họ không thể dựa vào thu nhập để vay tiền như lúc trước, mà những món nợ trước cũng không thể chi trả nổi, và khủng hoảng bùng phát.

**GS.Trình Ân Phú:** Đúng là như vậy, theo các báo cáo thống kê do Cục điều tra nhân khẩu Mỹ công bố thì có thể chứng minh điều này. Theo ngài, số người Mỹ

không có bảo hiểm trong 200 năm vẫn còn tới 45.700.000 người; 12,5% nhân khẩu sống dưới mức chuẩn nghèo của Liên bang. So với năm trước, số trẻ nhỏ nghèo đói tăng lên 500.000, đạt tới con số 13.300.000; trong số những người thu nhập bằng tiền lương, thu nhập của 1% số người có thu nhập cao chiếm 23% thu nhập từ lương của tất cả, là con số cao nhất từ năm 1928 đến nay.

**GS.D.Kotz:** Có thể nói, cuộc khủng hoảng tài chính này là kết quả tất yếu do sự lan tràn của chủ nghĩa tự do mới trên thế giới từ năm 1980 đến nay mang lại. Trước mắt, giới học thuật ở Mỹ đang thảo luận nên chăng kết cấu lại nền kinh tế Mỹ, đặc biệt là hệ thống tài chính, giúp nhà nước có thể tiến hành nhiều sự quản lý hơn đối với hệ thống tài chính. Đây là một cơ hội đối với những nhóm tiến bộ, họ có thể thúc đẩy một cuộc cải cách có tính chất căn bản đối với toàn bộ kinh tế thế giới, chứ không chỉ là đem một thứ tư bản chủ nghĩa hình thức khác thay thế cho tư bản chủ nghĩa theo kiểu chủ nghĩa tự do mới.

**GS.Trình Ân Phú:** Vấn đề thay thế và con đường đi, có lẽ phải đợi đến cuộc Hội thảo “Diễn đàn Hội Kinh tế chính trị học thế giới lần thứ 4 - Dân chủ ngự trị trong các quốc gia dân tộc và trong kinh tế chính trị toàn cầu” tổ chức năm tới tại Pari mà hai chúng ta cùng tham dự, sẽ bàn luận cụ thể hơn. Tôi xin tiết lộ một cách nhìn cơ bản: Từ thế kỷ XX có bốn loại hình thống trị toàn cầu: 1) Sự ngự trị của việc tranh giành kịch liệt và các đế quốc xâu xé lẫn nhau (từ 1900 – 1945, xung đột giữa các đế quốc, hai lần đại chiến thế giới và cuộc chiến của chủ nghĩa thực dân, trật tự thế giới rất lộn xộn, nhìn tổng thể các nước giống như cảnh “hổ đói vồ mồi”, song, sự ra

đời của các nước xã hội chủ nghĩa khiến cho trật tự thế giới có thêm sinh khí mới); 2) Sự thống trị của hai trật tự đối nghịch (từ 1946 - 1989, trận địa của hai siêu cường chi phối chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc liên tục thắng lợi, vai trò của các nước thuộc thế giới thứ ba không ngừng lớn mạnh, trật tự thế giới có chuyển biến tốt); 3) Sự thống trị của mô hình một vài cường quốc (từ 1990 đến nay, độc tài một bên hay lưỡng đoạn nhiều bên, chiến tranh cục bộ và chiến tranh khủng bố, sự thịnh hành của chủ nghĩa tự do mới, chủ nghĩa bảo thủ mới, chính sách đế quốc mới đã phá hoại nền tảng dân chủ toàn cầu, trật tự thế giới có những bước thụt lùi, nhưng nhân dân các nước đang giác ngộ và ủng hộ việc quản lý bằng dân chủ dưới sự chủ xướng của Liên hợp quốc); 4) Mô hình quản lý do Liên hợp quốc chủ xướng (mục tiêu tương lai, hiệp thương dân chủ giữa các nước, các cuộc chiến vũ lực giảm; Liên hợp quốc tăng số lượng thành viên các nước đang phát triển, cải cách kết cấu tổ chức và con người của các tổ chức Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Tổ chức Thương mại thế giới; nhanh chóng xác lập một đồng tiền chung cho toàn thế giới, một ngôn ngữ chung toàn cầu; kết luận là trong quá trình toàn cầu hoá bắt buộc phải quản lý dân chủ toàn cầu, phát triển toàn cầu hoá kinh tế, dân chủ hoá chính trị, đa dạng hoá văn hoá, tự vệ hoá quân sự một cách công bằng và chính trực).□

(Đăng trên *Báo Giáo dục Trung Quốc*, ngày 14 tháng 10 năm 2008)

**Người dịch:** ThS. TRẦN THÚY NGỌC  
(*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*)